

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 29-4-2021
V/v tranh chấp: “Thừa kế theo di chúc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Khải.

Ông Nguyễn Đắc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Thừa kế theo di chúc”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Trung T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959 (theo Giấy ủy quyền ngày 28/6/2019) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Phùng Thị Ngọc T1, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

2. Anh Phùng Trung Q, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phùng M, sinh năm 1948 (vắng mặt);

Địa chỉ: Pháp.

2. Bà Phùng Thị Ngọc P, sinh năm 1950 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Đường H, Khu phố M, phường P, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

3. Ông Phùng Trung B, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Pháp.

4. Bà Phùng Thị Ngọc S, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: Pháp.

5. Ông Phùng A, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Pháp.

6. Bà Phùng (Phạm) Thị Ngọc T2, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Pháp.

7. Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Ngọc D: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959 (theo Giấy ủy quyền ngày 28/6/2019) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà Phùng Thị Ngọc H, sinh năm 1955 (chết năm 1988);

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hương: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

9. Bà Phùng Thị Nguyệt H1, sinh năm 1945 (chết năm 1977);

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H1:

9.1. Ông Lê Minh N, sinh năm 1948 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Đường T, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

9.2. Anh Lê Minh T3, sinh năm 1971 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Đường T, Khu phố C, Phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

9.3. Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1973 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Đường K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Đỗ Nguyệt H2, sinh năm 1939 (đã chết);

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H2:

10.1. Ông Lâm Tấn S1, sinh năm 1938 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10.2. Bà Lâm Thị Thanh T4, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10.3. Bà Lâm Thị Bạch L2, sinh năm 1961 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Đường P, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10.4. Ông Lâm Phước Đ1, sinh năm 1967 (xin vắng mặt);

10.5. Bà Lâm Thị Thanh B1, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Đường P, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phùng Trung T, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Cha mẹ của ông Phùng Trung T tên Phùng Văn A1, sinh năm 1918, chết năm 1998 và Võ Thị D1, sinh năm 1923, chết năm 2007 có tất cả 10 người con gồm: Phùng Thị Nguyệt H1, sinh năm 1945, chết năm 1977; Phùng Trung N1 (tên gọi khác là Phùng M), sinh năm 1948; Phùng Thị Ngọc P, sinh năm 1950; Phùng Trung B, sinh năm 1952; Phùng Trung T, sinh năm 1953; Phùng Thị Ngọc H, sinh năm 1955, chết năm 1988; Phùng Thị Ngọc S, sinh năm 1956; Phùng Thị Ngọc T1, sinh năm 1959; Phùng A, sinh năm 1961; Phùng Thị Ngọc T2, sinh năm 1961 và một người con nuôi tên Đỗ Nguyệt H2 đã chết.

Khi còn sống, cụ A1 và cụ D1 có tạo lập được căn nhà và đất tại Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do cụ A1 đứng tên.

Ngày 05/7/1990, cụ A1 lập di chúc để phần di sản của cụ A1 cho cháu nội tên Phùng Trung Q, sinh năm 1977 (anh Q là con của ông Phùng Trung T và bà Phan Thị Ngọc D).

Ngày 15/02/1991, cụ A1 lập di chúc để lại di sản cho 08 người con của cụ A1 gồm Phùng Trung N1, Phùng Trung B, Phùng Thị Ngọc S, Phùng Trung Alain, Phùng Thị Ngọc T2, Phùng Thị Ngọc P, Phùng Trung T, Phùng Thị Ngọc T1. Di chúc có 03 người làm chứng gồm ông Võ Văn P1, ông Nguyễn Văn P2 và ông Phạm Kim T5 ký tên xác nhận.

Sau khi cụ A1 và cụ D1 chết, các đồng thừa kế của ông T không thỏa thuận được việc phân chia di sản nên phát sinh tranh chấp. Bản án số 01/2013/DSST ngày 14/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xét xử chia phần thừa kế theo di chúc là $\frac{1}{2}$ căn nhà Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang của cụ Võ Thị D1 cho 08 anh chị em của ông T mỗi người được nhận một kỷ phần.

Ông Phùng Trung T đã hoàn thành nghĩa vụ giao trả cho các đồng thừa kế mỗi người 01 kỷ phần nên được sở hữu $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00981 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 6/9/2014, còn lại 01 căn nhà và đất là di sản thừa kế chưa chia của cụ Phùng Văn A1.

Ngày 25/01/2019, các anh chị em của ông T tự thỏa thuận phân chia di sản của cụ A1 theo di chúc ngày 15/02/1991 và mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đã nhận đủ giá trị kỷ phần của mình. Theo đó, ông Phùng Trung T và vợ là Phan Thị Ngọc D cùng các anh chị em ông T đã cùng nhau đến Phòng Công chứng làm giấy ủy quyền để ông Phùng Trung T được đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với ½ căn nhà còn lại nhưng không được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận do không có văn bản từ chối thừa kế của các đồng thừa kế, vì vậy ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/- Công nhận Tờ di chúc của cụ Phùng Văn A1 lập ngày 15/02/1991 là di chúc hợp pháp.

2/- Chia di sản thừa kế của cụ Phùng Văn A1 theo di chúc nêu trên.

3/- Buộc anh Phùng Trung Q và bà Phùng Thị Ngọc T1 là người đang quản lý di sản phải giao di sản thừa kế là ½ căn nhà và đất Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Phùng Trung T sở hữu, sử dụng.

4/- Cho ông Phùng Trung T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định.

** Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phùng Trung Q trình bày:*

Anh là con của ông Phùng Trung T và bà Phan Thị Ngọc D.

Ngày 02/5/1990, cụ Phùng Văn A1 (ông nội của anh) đã lập di chúc cho anh căn nhà, đất Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và được Ủy ban nhân dân Phường H chứng nhận. Sau đó, ngày 15/2/1991 ông nội anh đã làm di chúc lại và hủy bỏ di chúc trước đây với nội dung chia đều tài sản cho 08 người con trước khi ông qua đời (có danh sách kèm theo).

Mặc dù di chúc sau không có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường H nhưng đó là ước nguyện và là di nguyện của ông nội nên các cô, chú, bác của anh ở trong nước và ngoài nước đã thỏa thuận nhận kỷ phần và đồng thời cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

Nay ông Phùng Trung T khởi kiện tranh chấp thừa kế theo di chúc và yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp đối với ½ căn nhà, đất còn lại ở Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang anh hoàn toàn đồng ý và không thắc mắc khiếu nại.

** Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phùng Thị Ngọc T1 trình bày:*

Theo Bản án số 01/2013/DSST ngày 14/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xét xử chia phần thừa kế theo di chúc là ½ căn nhà Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang của mẹ bà là cụ Võ Thị D1. Theo đó ½ căn nhà Đường T đã được chia cho 08 anh chị em, trong đó có bà. Anh bà là ông Phùng Trung T và vợ đã hoàn thành nghĩa vụ giao trả cho các đồng thừa kế mỗi người 01 kỷ phần. Ông T và vợ là Phan Thị Ngọc D được sở hữu ½ căn nhà

Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; còn lại ½ căn nhà là di sản thừa kế chưa chia của cha bà là cụ Phùng Văn A1.

Theo di nguyện của cha, ngày 1/3/2019 các anh, chị, em ở nước ngoài trở về cùng với những người trong nước đã thỏa thuận được với nhau về giá trị kỷ phần và đã nhận đủ giá trị kỷ phần thỏa đáng theo thời điểm do anh bà là Phùng Trung T và vợ là Phan Thị Ngọc D giao cho các đồng thừa kế và đồng ý không thắc mắc khiếu nại gì về sau. Từ các thỏa thuận đó các anh chị em bà đã cùng nhau đến Phòng Công chứng để ghi nhận thỏa thuận. Ông Phùng Trung T và vợ là Phan Thị Ngọc D được sang tên, chuyển đổi tên quyền sử dụng đất, được toàn quyền sở hữu và toàn quyền định đoạt đối với ½ căn nhà, đất còn lại tại Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo như thỏa thuận trên, bà đã đồng ý để cho anh bà là Phùng Trung T và vợ là Phan Thị Ngọc D tiến hành lập thủ tục sang tên chuyển đổi tên quyền sử dụng đất nhưng gặp nhiều trục trặc về thủ tục hành chính nên anh bà là Phùng Trung T và vợ là Phan Thị Ngọc D làm thủ tục yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu đối với ½ căn nhà còn lại tại Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bà có ý kiến đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án công nhận, xác định quyền sở hữu đối với ½ căn nhà, đất còn lại nhà Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của anh bà là Phùng Trung T và vợ là Phan Thị Ngọc D.

** Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Ngọc P trình bày:*

Đối với vụ án tranh chấp trên bà không quan tâm, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ngọc D, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà D là vợ của ông Phùng Trung T, bà D thống nhất với lời trình bày của ông T và không có bổ sung gì thêm.

** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Minh N, Lê Minh T3, Lê Minh Đ, Lâm Tấn S1, Lâm Thị Thanh T4, Lâm Thị Bạch L2, Lâm Phước Đ1, Lâm Thị Thanh B1 thống nhất trình bày:*

Theo đơn khởi kiện của ông Phùng Trung T, các ông bà thống nhất, không tranh chấp, không khiếu nại.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ủy thác tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Trung B. Qua kết quả tổng đạt ông Phùng Trung B có ý kiến trình bày:*

Ông chấp nhận yêu cầu của em ông là ông Phùng Trung T. Thông qua các anh chị em khác trong nước, ông đã nhận được các thông tin, tài liệu về vụ án. Ngoài ra, ông không còn ý kiến bổ sung nào khác.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ủy thác tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Ngọc S. Qua kết quả tổng đạt bà Phùng Thị Ngọc S có ý kiến trình bày:*

Bà đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án gửi đến, đồng thời bà có ý kiến đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Trung T. Ngoài ra, bà không còn ý kiến bổ sung nào khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc L, Phùng M, Phùng A và Phùng Thị Ngọc T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Trung T.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp “Chia thừa kế theo di chúc” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn Phùng Thị Ngọc T1, Phùng Trung Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phùng Thị Ngọc P, Lê Minh N, Lê Minh T3, Lê Minh Đ, Lâm Tấn S1, Lâm Thị Thanh T4, Lâm Thị Bạch L2, Lâm Phước Đ1 và Lâm Thị Thanh B1 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông Phùng M, ông Phùng Trung B, bà Phùng Thị Ngọc S, ông Phùng A, bà Phùng (Phạm) Thị Ngọc T2, ông Nguyễn Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Về nội dung khởi kiện, xét thấy:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2019, nguyên đơn là ông Phùng Trung T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận “Tờ di chúc” do cụ Phùng Văn A1 lập ngày 15/02/1991 là di chúc hợp pháp; yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ A1 theo di chúc; buộc anh Phùng Trung Q và bà Phùng Thị Ngọc T1 phải giao di sản thừa kế của cụ A1 là $\frac{1}{2}$ nhà, đất tại Đường T, Phường H, thành phố M,

tỉnh Tiền Giang cho ông Phùng Trung T và bà Phan Thị Ngọc D sở hữu, sử dụng; cho ông T và bà D được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với nhà, đất nêu trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật bởi các lẽ sau:

Theo các đương sự trình bày cụ Phùng Văn A1, chết năm 1998 và cụ Võ chết năm 2007 có tất cả 10 người con gồm: Phùng Thị Nguyệt H1, sinh năm 1945, chết năm 1977 (có 03 người con gồm Lê Minh N, Lê Minh T3, Lê Minh Đ); Phùng Trung N1 (tên gọi khác là Phùng M), sinh năm 1948; Phùng Thị Ngọc P, sinh năm 1950; Phùng Trung B, sinh năm 1952; Phùng Trung T, sinh năm 1953; Phùng Thị Ngọc H, sinh năm 1955, chết năm 1988 (có 01 người con là Nguyễn Ngọc L); Phùng Thị Ngọc S, sinh năm 1956; Phùng Thị Ngọc T1, sinh năm 1959; Phùng A, sinh năm 1961; Phùng Thị Ngọc T2, sinh năm 1961 và một người con nuôi tên Đỗ Nguyệt H2, sinh năm 1939, đã chết (có 04 người con gồm Lâm Thị Thanh T4, Lâm Thị Bạch L2, Lâm Phước Đ1, Lâm Thị Thanh B1).

Khi còn sống, cụ A1 và cụ D1 có tạo lập được căn nhà và đất tại Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do cụ A1 đứng tên.

Năm 1988, cụ A1 và cụ D1 thuận tình ly hôn, hai cụ thống nhất định giá căn nhà là 12 lượng vàng 24K, bán xong chia ra, cụ A1 được hưởng 5,5 lượng, cụ D1 được hưởng 6,5 lượng nhưng sau đó nhà, đất không bán mà vẫn còn hiện hữu cho đến nay.

Ngày 05/7/1990, cụ A1 lập “Tờ di chúc” để lại tài sản của cụ A1 là ½ nhà, đất tại Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho cháu nội tên Phùng Trung Q được hưởng phần tài sản của cụ A1 sau khi cụ A1 qua đời. Di chúc này cũng ghi rõ nhà để ở, không được cầm bán, để làm nhà thờ kỉ niệm ông bà theo tập quán của người Việt Nam. Di chúc ngày 05/7/1990 của cụ A1 có chính quyền địa phương chứng thực chữ ký.

Ngày 15/02/1991, cụ A1 lập “Tờ di chúc” để lại di sản cho 08 người con của cụ A1 gồm Phùng Trung N1, Phùng Trung B, Phùng Thị Ngọc S, Phùng A, Phùng Thị Ngọc T2, Phùng Thị Ngọc P, Phùng Trung T, Phùng Thị Ngọc T1; tạm thời giao nhà, đất cho cháu nội là anh Phùng Trung Q quản lý. Di chúc này không có công chứng, chứng thực nhưng có 03 người làm chứng gồm ông Võ Văn P1, ông Nguyễn Văn P2 và ông Phạm Kim T5 ký tên xác nhận.

Sau khi cụ A1 và cụ D1 chết, các đồng thừa kế của ông T không thỏa thuận được việc phân chia di sản nên phát sinh tranh chấp.

Tại Bản án số 01/2013/DSST ngày 14/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xét xử chia di sản thừa kế của cụ Võ Thị D1 là ½ căn nhà Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho 08 người con của cụ D1 mỗi người được nhận một kỷ phần. Riêng ½ nhà, đất là di sản chưa chia của cụ A1

thì chưa được giải quyết. Sau khi bản án nêu trên có hiệu lực pháp luật, ông Phùng Trung T đã hoàn thành nghĩa vụ giao trả cho các đồng thừa kế của cụ D1 mỗi người 01 kỷ phần thừa kế nên ông T được sở hữu $\frac{1}{2}$ nhà, đất tại Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00981 ngày 6/9/2014; còn lại $\frac{1}{2}$ nhà, đất tại Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế chưa chia của cụ Phùng Văn A1.

Ngày 25/01/2019, các ông bà Phùng A, Phùng M, Phùng Trung B, Phùng Thị Ngọc S, Phùng (Phạm) Thị Ngọc T2, Phùng Thị Ngọc P, Phùng Thị Ngọc T1, Phùng Trung T có đến Văn phòng Công chứng L3 để lập “Hợp đồng ủy quyền” với nội dung: Những người thừa kế theo di chúc của cụ A1 đã thỏa thuận được với nhau về kỷ phần thừa kế trong $\frac{1}{2}$ căn nhà Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, ông Phùng A, Phùng M, Phùng Trung B, bà Phùng Thị Ngọc S, bà Phùng (Phạm) Thị Ngọc T2, bà Phùng Thị Ngọc P, bà Phùng Thị Ngọc T1 mỗi người đã được nhận giá trị kỷ phần của mình do ông Phùng Trung T và vợ là Phan Thị Ngọc D giao trả bằng tiền nên đồng ý ủy quyền cho vợ chồng ông Phùng Trung T, bà Phan Thị Ngọc D được toàn quyền sở hữu, định đoạt đối với di sản thừa kế của cụ Phùng Văn A1 là $\frac{1}{2}$ nhà, đất nêu trên. Hợp đồng ủy quyền ngày 25/01/2019 giữa các bên đã được công chứng theo quy định pháp luật (bút lục từ 01 – 14). Sau đó, ông T, bà D làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần di sản của cụ A1 để lại nhưng không được Văn phòng đăng ký đất đai chấp thuận do không có văn bản từ chối thừa kế của các đồng thừa kế. Vì vậy ông T khởi kiện đến Tòa án.

Xét về thời hiệu khởi kiện thì đơn khởi kiện của ông T còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự nên được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Xét tính hợp pháp của di chúc: Theo các đương sự thống nhất trình bày trước khi chết cụ A1 có lập “Tờ di chúc ngày 15/02/1991” có nội dung để lại toàn bộ tài sản của cụ A1 là $\frac{1}{2}$ nhà, đất tại Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho 08 người con của cụ A1 trong đó có 03 người con ở Việt Nam và 05 người con ở nước ngoài thừa hưởng, tạm thời giao tài sản này cho cháu nội là anh Phùng Trung Q quản lý. Di chúc của cụ A1 được lập thành văn bản, không có công chứng, chứng thực nhưng có 03 người làm chứng (hiện 03 người làm chứng đã chết) nhưng tất cả 08 người con của cụ A1 và 01 người cháu nội có liên quan đến di chúc đều thừa nhận nội dung di chúc này. Vì vậy, xét về hình thức và nội dung của di chúc phù hợp với quy định tại các điều 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631 và Điều 632 Bộ luật Dân sự.

Về di sản thừa kế: Các đương sự cũng thống nhất di sản thừa kế của cụ A1 là $\frac{1}{2}$ nhà, đất tại Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang hiện do anh Phùng Trung Q, bà Phùng Thị Ngọc T1 quản lý, sử dụng. Theo bản vẽ hiện trạng thửa đất ngày 31 tháng 3 năm 2020 thể hiện phần đất này thuộc thửa 43, tờ bản đồ địa chính số 3, diện tích 54m², loại đất ở đô thị, địa chỉ tại Đường T, Khu phố 1, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Tại Biên bản xem xét, thẩm

định tại chỗ ngày 24 tháng 8 năm 2020 (bút lục 225) thể hiện trên đất có 01 căn nhà kết cấu nhà trệt, có gác bê tông, vách tường (chung), tường ốp gạch, nền lót gạch ceramic, có trần, mái tole.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Q và bà T1 có bản tự khai đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Trung T, đồng ý giao nhà, đất nêu trên cho vợ chồng ông T, bà D khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Phan Thị Ngọc D có bản tự khai thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Phùng Trung B, bà S, ông N, ông T3, ông Đ, ông S1, bà T4, bà L2, ông Đ1, bà B1 có bản tự khai thống nhất với đơn khởi kiện của nguyên đơn, không tranh chấp, khiếu nại gì đối với việc chia di sản thừa kế của cụ A1. Ông Phùng M, ông Phùng A, bà Phùng (Phạm) Thị Ngọc T2 và ông Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ “Thông báo thụ lý vụ án” nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa xét xử mà không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết.

Căn cứ vào “Hợp đồng ủy quyền ngày 25/01/2019” do nguyên đơn giao nộp và lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định sau khi cụ A1 chết, những người thừa kế theo di chúc của cụ A1 đã thống nhất thỏa thuận giao di sản thừa kế của cụ A1 cho vợ chồng ông T, bà D sở hữu, định đoạt và những người này đã nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng tiền từ vợ chồng ông T, bà D. Do đó, việc ông T, bà D yêu cầu được sở hữu, sử dụng khối di sản thừa kế của cụ A1 là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông Phùng Trung T và bà Phan Thị Ngọc D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

[6]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã nộp đầy đủ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 623, 624, 625, 626, 628, 630, 631, 635 và Điều 643 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phùng Trung T.

- Công nhận “Tờ di chúc ngày 15/02/1991” của cụ Phùng Văn A1 là di chúc hợp pháp.

- Chia di sản thừa kế của cụ Phùng Văn A1 là thửa đất số 43, tờ bản đồ địa chính số 3, diện tích 54m², loại đất ở đô thị tại Đường T, Khu phố 1, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và ½ căn nhà gắn liền với đất cho ông Phùng Trung T (có sơ đồ, vị trí đất kèm theo).

- Ông Phùng Trung T và bà Phan Thị Ngọc D được trọn quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất nêu trên và được quyền kê khai, đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà, đất theo quy định.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phùng Thị Ngọc T1 và anh Phùng Trung Q đồng ý giao ½ nhà, đất nêu trên cho ông Phùng Trung T và bà Phan Thị Ngọc D khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/- Về án phí: Ông Phùng Trung T và bà Phan Thị Ngọc D được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn tạm ứng án phí 2.327.000 đồng (hai triệu, ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng) cho ông Phùng Trung T theo biên lai thu số 0001074 ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3/- Về quyền kháng cáo: Ông Phùng Trung T, bà Phan Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Anh Phùng Trung Q, bà Phùng Thị Ngọc T1, bà Phùng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Ngọc L, ông Lê Minh N, ông Lê Minh T3, anh Lê Minh Đ, anh Lâm Tấn S1, bà Lâm Thị Thanh T4, bà Lâm Thị Bạch L2, ông Lâm Phước Đ1, bà Lâm Thị Thanh B1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Đối với bà Phùng Thị Ngọc S và ông Phùng Trung B thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ.

Riêng ông Phùng M, ông Phùng A, bà Phùng (Phạm) Thị Ngọc T2 thì thời hạn kháng cáo là 12 tháng kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 29 tháng 4 năm 2021, có mặt đại diện Viện kiểm sát và bà Nguyễn Thị C./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy